

Số: 39/KH-UBND

Tam Đường, ngày 16 tháng 01 năm 2019

## KẾ HOẠCH

### Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2019 huyện Tam Đường

Căn cứ Nghị quyết số 16-NQ/ĐH ngày 28/7/2015 của Đảng bộ huyện Tam Đường lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2015-2020; Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 18/12/2018 của Hội đồng nhân dân huyện Tam Đường về kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội, đảm bảo Quốc phòng - An ninh năm 2019; Quyết định số 2446/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND huyện Tam Đường về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội năm 2019; Kế hoạch số 68/KH-UBND ngày 26/01/2018 của UBND huyện Tam Đường về thực hiện chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020,

Căn cứ Công văn số 11/SLĐT BXH-BTXH ngày 09/11/2019 của Sở Lao động – TB&XH tỉnh Lai Châu về việc xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình giảm nghèo năm 2019. Ủy ban nhân dân huyện xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2019 với các nội dung cụ thể như sau:

#### A. KẾT QUẢ ĐIỀU TRA, RÀ SOÁT HỘ NGHÈO NĂM 2018

- Kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2018, toàn huyện có 3.282 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 27,27% dân số; số hộ cận nghèo là 1.292 hộ, chiếm tỷ lệ 10,74%. Năm 2018, tỷ lệ hộ nghèo giảm 4,18%, tỷ lệ hộ cận nghèo giảm 1,35%. Trong đó, phân loại hộ nghèo, cụ thể:

- + Nghèo theo tiêu chí về thu nhập 3.279 hộ, chiếm tỷ lệ 99,91% tổng số hộ nghèo;
  - + Nghèo do thiếu hụt các nhu cầu xã hội cơ bản 03 hộ, chiếm tỷ lệ 0,09% tổng số hộ nghèo;
  - + Số hộ nghèo dân tộc thiểu số 3.195 hộ, chiếm tỷ lệ 97,35% so với tổng số hộ nghèo;
  - + Số hộ nghèo thuộc hộ chính sách bảo trợ xã hội 315 hộ, chiếm tỷ lệ 9,6% so với tổng số hộ nghèo;
  - + Số hộ nghèo thuộc chính sách ưu đãi người có công 13 hộ, chiếm tỷ lệ 0,4% so với tổng số hộ nghèo;
  - + Số hộ nghèo có chủ hộ là phụ nữ 435 hộ, chiếm 13,25% so với tổng số hộ nghèo.
- Mức độ thiếu hụt các nhu cầu xã hội cơ bản của hộ nghèo:

+ Tiêu chí 1: Trình độ giáo dục người lớn (*Hộ gia đình có ít nhất 1 thành viên từ 15 đến dưới 30 tuổi không tốt nghiệp trung học cơ sở và hiện không đi học*): 1.384 hộ, chiếm tỷ lệ 42,17% tổng số hộ nghèo;

+ Tiêu chí 2: Tình trạng đi học của trẻ em (*Hộ gia đình có ít nhất 1 thành viên từ 5 đến dưới 15 tuổi hiện không đi học*): 117 hộ, chiếm tỷ lệ 3,56% tổng số hộ nghèo;

+ Tiêu chí 3: Tiếp cận các dịch vụ y tế (*Hộ gia đình có người bị ốm đau nhưng không đi khám chữa bệnh trong vòng 12 tháng qua*): 12 hộ, chiếm tỷ lệ 0,396% tổng số hộ nghèo;

+ Tiêu chí 4: Bảo hiểm y tế (*Hộ gia đình có ít nhất 1 thành viên từ 6 tuổi trở lên không có BHYT*): 22 hộ, chiếm tỷ lệ 0,67% tổng số hộ nghèo;

+ Tiêu chí 5: Chất lượng nhà ở (*Hộ gia đình đang ở trong nhà thiếu kiên cố hoặc nhà đơn sơ*): 472 hộ, chiếm tỷ lệ 14,38% tổng số hộ nghèo;

+ Tiêu chí 6: Diện tích nhà ở bình quân đầu người (*Diện tích nhà ở bình quân dưới 8m<sup>2</sup>/người*): 1.237 hộ, chiếm tỷ lệ 37,69% tổng số hộ nghèo;

+ Tiêu chí 7: Nguồn nước sinh hoạt (*Hộ gia đình không được tiếp cận nguồn nước hợp vệ sinh*): 47 hộ, chiếm tỷ lệ 1,4% tổng số hộ nghèo;

+ Tiêu chí 8: Hồ xí/nhà tiêu hợp vệ sinh (*Hộ gia đình không sử dụng hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh*): 2.256 hộ, chiếm tỷ lệ 68,7% tổng số hộ nghèo;

+ Tiêu chí 9: Sử dụng dịch vụ viễn thông (*Hộ gia đình không có thành viên nào sử dụng thuê bao điện thoại và internet*): 278 hộ, chiếm tỷ lệ 8,47% tổng số hộ nghèo;

+ Tiêu chí 10: Tài sản phục vụ tiếp cận thông tin (*Hộ gia đình không có tivi, radio, máy tính và không nghe được hệ thống loa đài truyền thanh xã/thôn*): 569 hộ, chiếm tỷ lệ 17,34% tổng số hộ nghèo.

## **B. KẾ HOẠCH GIẢM NGHÈO NĂM 2019**

### **I. MỤC TIÊU**

#### **1. Mục tiêu tổng quát**

Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người nghèo. Tập trung các nguồn lực, giải pháp hỗ trợ hộ nghèo, ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có đối tượng bảo trợ xã hội bảo đảm được mức sống tối thiểu, an sinh xã hội và tiếp cận được các dịch vụ xã hội cơ bản gồm: Y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, tiếp cận thông tin; giảm thiểu tối đa hộ tái nghèo và phát sinh mới; thu hẹp khoảng cách giữa hộ giàu và hộ nghèo, giữa khu vực thành thị và nông thôn.

Đầu tư và nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân ở các xã, bản đặc biệt khó khăn theo tiêu chí nông thôn mới, trước hết là hạ tầng thiết yếu, như giao thông, điện, nước sinh hoạt.

## 2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Phân đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo 3%, đến cuối năm 2019 còn 3.048 hộ nghèo; hạn chế thấp nhất tình trạng tái nghèo và phát sinh nghèo mới; giảm tỷ lệ hộ cận nghèo 1%.

*(Chi tiết theo biểu số 01 và 02 đính kèm)*

2.2. Phân đầu đào tạo nghề cho 810 người, trong đó đào tạo nghề ngắn hạn cho 810 người, nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 48,6%, trong đó lao động qua đào tạo nghề đạt 25%; giải quyết việc làm mới cho 1.030 lao động, trong đó đi làm việc nước ngoài là 08 lao động.

2.3. Triển khai 02 dự án mô hình nhân rộng giảm nghèo với khoảng 100 hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tham gia.

2.4. Phân đầu 95% người dân tham gia BHYT, trên 95% hộ gia đình có người ốm đau được đưa đi khám chữa bệnh.

2.5. Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi vào mẫu giáo đạt 99%; tỷ lệ huy động trẻ từ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%, tỷ lệ huy động học sinh tốt nghiệp THCS vào học THPT đạt 70%.

2.6. Có 20 hộ nghèo được hỗ trợ nhà ở theo Quyết định 33/2015/QĐ-TTg.

2.7. Có 72,9% dân số thành thị được sử dụng nước sạch, 98,7% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh; 55,6% hộ gia đình ở khu vực nông thôn sử dụng hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh.

2.8. Có 98% hộ được sử dụng điện lưới quốc gia; 94% hộ dân được xem truyền hình.

## II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

### 1. Thực hiện các dự án thuộc Chương trình MTQGGN bền vững

Thực hiện lồng ghép có hiệu quả chương trình 135 thuộc nguồn vốn chương trình MTQG giảm nghèo năm 2019 như: hỗ trợ cơ sở hạ tầng hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn xã, bản ĐBKK và các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135, cụ thể:

*a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn, thôn bản đặc biệt khó khăn*

- Đầu tư cơ sở hạ tầng các xã, bản đặc biệt khó khăn, gồm 10 công trình tiếp chi năm 2018; 18 công trình khởi công mới; kinh phí 11.786 triệu đồng;

- Duy tu, bảo dưỡng công trình hạ tầng; kinh phí 742 triệu đồng.

*b) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn, các thôn đặc biệt khó khăn*

- Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế:

+ Nội dung hỗ trợ: hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư, công cụ máy móc, thiết bị, nguyên liệu sản xuất, thuốc bảo vệ thực vật...

+ Kinh phí thực hiện: 2.071 triệu đồng.

- Nhân rộng mô hình giảm nghèo:

+ Nội dung hỗ trợ: thực hiện 02 mô hình nhân rộng giảm nghèo gồm mô hình nuôi trâu sinh sản xã Hồ Thầu và mô hình nuôi ngựa sinh sản xã Nùng Nàng.

+ Kinh phí thực hiện: 910 triệu đồng

c) Dự án 3: Hỗ trợ sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135

- Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế:

+ Nội dung hỗ trợ: hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư, công cụ máy móc, thiết bị, nguyên liệu sản xuất, thuốc bảo vệ thực vật...

+ Kinh phí thực hiện: 222 triệu đồng.

## **2. Thực hiện các chính sách hỗ trợ tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản**

- **Về Y tế:** Thực hiện chính sách cấp phát thẻ bảo hiểm y tế cho toàn bộ cá nhân thuộc hộ gia đình nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội có điều kiện đặc biệt khó khăn; đối tượng bảo trợ xã hội... Triển khai các chương trình, dự án khám chữa bệnh trên địa bàn, chú trọng chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ, trẻ em và người cao tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. 100% người nghèo được tiếp cận các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe, ưu tiên đối tượng hộ nghèo thuộc người dân tộc thiểu số, được tiếp cận dịch vụ y tế kỹ thuật cao; thực hiện tốt công tác kết hợp chăm sóc sức khỏe với các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, các hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe.

- **Về giáo dục:** Thực hiện có hiệu quả chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh nghèo ở các cấp, bậc học theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP. Bảo đảm 100% con các hộ nghèo được tiếp cận các dịch vụ giáo dục - đào tạo như: Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông được miễn, giảm học phí, được hỗ trợ sách giáo khoa và đồ dùng học tập theo quy định; Hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo từ 3-5 tuổi, cấp học bổng và hỗ trợ gạo cho học sinh bán trú... Vận động tặng sách vở, đồ dùng học tập, cấp học bổng cho học sinh nghèo vượt khó nhằm giúp các em có điều kiện tốt hơn để yên tâm học tập.

Khuyến khích xây dựng và mở rộng “Quỹ khuyến học”, ưu tiên đầu tư để đạt chuẩn cơ sở trường, lớp học ở các xã đặc biệt khó khăn.

- **Về nhà ở:** Rà soát, lập danh sách sắp xếp theo mức độ ưu tiên thực hiện hỗ trợ nhà ở cho các hộ nghèo theo Quyết định 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Các xã, thị trấn chủ động huy động mọi nguồn lực, lồng ghép các nguồn vốn, huy động từ cộng đồng và đóng góp của hộ

gia đình để tự tổ chức xây dựng nhà ở, ưu tiên hộ nghèo là người cao tuổi, người khuyết tật, hộ có hoàn cảnh khó khăn; kết hợp với chương trình làm nhà đại đoàn kết từ nguồn Quỹ Vì người nghèo các cấp để giúp các hộ nghèo có nhà ở ổn định.

- **Hỗ trợ nước sạch và vệ sinh:** Lòng ghép triển khai nguồn vốn duy tu bảo dưỡng chương trình 135 để thực hiện duy tu, sửa chữa công trình đã được đầu tư nước sinh hoạt các điểm bản; Phối hợp triển khai cho vay chương trình nước sạch vệ sinh môi trường; lòng ghép chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn và chương trình nông thôn mới thực hiện hỗ trợ xây dựng bể nước và nhà tiêu hợp vệ sinh cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

- **Về thông tin truyền thông:** đầu tư, trang bị các phương tiện tuyên truyền cổ động, nâng cấp trạm truyền thanh cơ sở; 100% cán bộ, công chức làm công tác thông tin và truyền thông được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ thông tin tuyên truyền, cổ động; trên 90% các hộ dân được tiếp cận thông tin về chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, kinh nghiệm sản xuất, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của tỉnh thông qua các chương trình phát thanh, truyền hình sách, ấn phẩm truyền thông nhằm thay đổi và chuyển biến nhận thức vươn lên thoát nghèo.

### **3. Thực hiện các chính sách giảm nghèo khác**

- **Hỗ trợ tín dụng ưu đãi:** Thực hiện tốt các chính sách, chương trình tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, cận nghèo theo quy định; Giải quyết thủ tục cho vay đối với các hộ nghèo, học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, học tập, đi xuất khẩu lao động. Ưu tiên hộ nghèo ở các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, hộ nghèo có người khuyết tật, chủ hộ là phụ nữ.

- **Dạy nghề, tạo việc làm:** Thực hiện đầy đủ chính sách đào tạo nghề theo quy định của Chính phủ, dạy nghề gắn với tạo việc làm đối với lao động nông thôn, lao động nghèo, cận nghèo, dân tộc thiểu số. Các địa phương, đoàn thể vận động doanh nghiệp đóng trên địa bàn nhận người nghèo vào làm việc để có thu nhập ổn định; tạo điều kiện hỗ trợ xuất khẩu lao động đối với lao động nghèo có nhu cầu làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động.

- **Các chính sách an sinh xã hội:** Thực hiện đầy đủ kịp thời các chính sách hỗ trợ người nghèo như cứu đói giáp hạt, hộ nghèo không có khả năng ăn Tết, các chế độ trợ cấp thường xuyên và đột xuất theo quy định hiện hành của Nhà nước.

### **III. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

- Dự kiến tổng nguồn vốn thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững năm 2019 là 65.154 triệu đồng, trong đó chia theo các nguồn vốn:

+ Vốn đầu tư 11.786 triệu đồng;

+ Vốn sự nghiệp 3.945 triệu đồng;

+ Các chính sách khác (y tế, giáo dục): 48.923 triệu đồng;

+ Vốn vay tín dụng: 500 triệu đồng.

*(Chi tiết theo biểu số 03 đính kèm)*

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội**

- Chủ trì phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể liên quan hướng dẫn các xã, thị trấn xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm nghèo và hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình năm 2019;

- Chịu trách nhiệm theo dõi, quản lý một số dự án: Đào tạo nghề cho lao động nông thôn và lao động nghèo, nhân rộng mô hình giảm nghèo, giới thiệu việc làm và xuất khẩu lao động, hỗ trợ hộ nghèo cải thiện về nhà ở; các hoạt động truyền thông, giám sát, đánh giá và quản lý Chương trình. Phối hợp với các ngành có liên quan thực hiện các chính sách hỗ trợ hộ nghèo về cấp thẻ bảo hiểm y tế, giáo dục, tín dụng, hỗ trợ tiền điện.

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả của chương trình giảm nghèo 6 tháng và năm, tổng hợp báo cáo huyện và tỉnh kết quả thực hiện Chương trình theo quy định.

##### **2. Phòng Tài chính - Kế hoạch**

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện bố trí vốn cho các cơ quan, đơn vị huyện, các xã, thị trấn triển khai thực hiện Chương trình giảm nghèo theo quy định về phân cấp quản lý Ngân sách nhà nước hiện hành; đề xuất nguồn lực cho chương trình giảm nghèo, lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế xã hội khác của huyện.

- Hướng dẫn việc quản lý và sử dụng, thanh quyết toán nguồn kinh phí thực hiện các chương trình, dự án giảm nghèo theo quy định.

**3. Phòng Dân tộc:** Chủ trì hướng dẫn, tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan. Phối hợp với các cơ quan, ban, ngành thực hiện chính sách liên quan đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

##### **4. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Chủ trì phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế;

- Hướng dẫn, chỉ đạo lồng ghép Chương trình xây dựng nông thôn mới với Chương trình giảm nghèo bền vững.

**5. Phòng Y tế, Trung tâm Y tế huyện:** Thực hiện tốt công tác khám, điều trị bệnh cho người nghèo; phối hợp với các hội, đoàn thể tổ chức các hoạt động khám chữa bệnh miễn phí cho người nghèo. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tại Trạm y tế các xã, thị trấn.

**6. Bảo hiểm xã hội huyện:** Phối hợp thực hiện cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, cận nghèo, đảm bảo đúng tiến độ và thanh toán chi phí khám chữa bệnh với các cơ sở y tế.

### **7. Phòng Giáo dục và Đào tạo**

- Chỉ đạo, hướng dẫn các trường trên địa bàn huyện thực hiện chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo, học sinh mồ côi, học sinh khuyết tật, gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Xây dựng kế hoạch và đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm tránh nguy cơ học sinh nghèo do hoàn cảnh gia đình khó khăn dẫn đến bỏ học.

- Tuyên truyền vận động các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức hỗ trợ sách vở, đồ dùng học tập, cấp học bổng cho học sinh nghèo vượt khó.

### **8. Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội**

Chủ trì phối hợp với các cơ quan, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số ở xã, bản đặc biệt khó khăn, học sinh - sinh viên có hoàn cảnh khó khăn; quản lý vốn và thực hiện cho vay đúng quy định, đúng đối tượng.

### **9. Phòng Văn hoá và Thông tin**

Chủ trì thực hiện chính sách đưa văn hoá, thông tin về cơ sở, ưu tiên hỗ trợ người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận văn hoá, thông tin; Lồng ghép các chương trình phát triển văn hoá với chương trình giảm nghèo, góp phần nâng cao mức sống về văn hóa của nhân dân nói chung.

### **10. Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện**

Tuyên truyền nâng cao nhận thức về tầm quan trọng, ý nghĩa của chương trình giảm nghèo bền vững trên các phương tiện truyền thông, Trang thông tin điện tử huyện Tam Đường. Tuyên truyền các mô hình, các cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả về giảm nghèo.

### **11. Đề nghị Ủy ban MTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội huyện**

- Chỉ đạo các cấp Hội ở cơ sở tổ chức tốt công tác tuyên truyền, vận động hội viên và toàn dân hưởng ứng, tham gia các cuộc vận động hỗ trợ giảm nghèo như phong trào "Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư"; Chương trình xây dựng nông thôn mới, động viên khích lệ tính tự chủ, tinh thần tự lực tự cường của người dân vươn lên thoát nghèo.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan tham gia giám sát các hoạt động thực hiện các chính sách, dự án về giảm nghèo đa chiều; kiểm tra, giám sát, đánh giá quy trình rà soát hộ nghèo, cận nghèo tại các xã, thị trấn do đơn vị phụ trách đảm bảo nguyên tắc công bằng, công khai, dân chủ.

### **12. UBND các xã, thị trấn**

- Xây dựng kế hoạch giảm nghèo năm 2019 trên địa bàn xong trước ngày 20/02/2019 bảo đảm sát với thực trạng kinh tế - xã hội của địa phương (kèm theo biểu tổng hợp và danh sách chi tiết hộ dự kiến thoát nghèo).

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, ban, ngành huyện trong việc triển khai, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện các chính sách giảm nghèo; thực hiện đồng bộ các giải pháp giảm nghèo cụ thể đến từng bản, từng hộ, tập trung các nguồn lực hỗ trợ các bản có tỷ lệ hộ nghèo cao. Vận động nhân dân giúp đỡ nhau trong phát triển kinh tế để giảm nghèo bền vững, hướng dẫn cách làm hay cho các hộ nghèo, đặc biệt là các hộ đông con, lười lao động, mắc tệ nạn xã hội...

- Điều tra, rà soát, thống kê đánh giá kết quả giảm nghèo năm 2019 bảo đảm chất lượng, kết quả giảm nghèo phản ánh khách quan, chính xác, đúng thực trạng mức sống của hộ dân, không chạy theo thành tích ảnh hưởng đến chất lượng giảm nghèo bền vững. Quản lý chặt chẽ di, biến động hộ nghèo, cận nghèo; thực hiện tốt chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2019 của UBND huyện. Yêu cầu các cơ quan, ban, ngành liên quan và UBND các xã, thị trấn căn cứ chức năng, nhiệm vụ nghiêm túc triển khai thực hiện. /

**Nơi nhận:**

- Sở Lao động - TB&XH;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể liên quan;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Cao Trang Trọng**



**BIỂU HƯỚNG DẪN**  
**THỰC HIỆN CHỈ TIÊU GIẢM TỶ LỆ HỘ NGHÈO NĂM 2020**  
 (Kèm theo Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2019  
 của UBND huyện Tam Đường)

TT	Tên xã, thị trấn	Thời điểm 01/01/2019						Thời điểm 31/12/2019		
		Tổng số hộ dân cư	Tổng số hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo	Số hộ dự kiến thoát nghèo	Số hộ phát sinh mới	Tỷ lệ giảm hộ nghèo	Ước Tổng số hộ dân cư	Số hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo
1	TT Tam Đường	1.811	118	6,52	14	4	0,60	1.825	108	5,92
2	Bình Lư	1.208	159	13,16	18	5	1,20	1.220	146	11,97
3	Hồ Thầu	680	189	27,79	45	5	6,20	690	149	21,59
4	Thèn Sin	679	270	39,76	30	8	3,56	685	248	36,20
5	Bản Giang	833	193	23,17	18	6	1,67	842	181	21,50
6	Bản Bo	1.164	382	32,82	47	7	3,64	1.172	342	29,18
7	Nùng Nàng	596	118	19,80	35	7	4,95	606	90	14,85
8	Khun Há	925	372	40,22	35	9	3,41	940	346	36,81
9	Sùng Phài	424	115	27,12	8	3	1,54	430	110	25,58
10	Bản Hòn	560	106	18,93	15	3	2,44	570	94	16,49
11	Sơn Bình	873	297	34,02	29	6	3,23	890	274	30,79
12	Giang Ma	742	251	33,83	30	5	4,09	760	226	29,74
13	Nà Tăm	703	293	41,68	39	6	5,57	720	260	36,11
14	Tả Lèng	835	419	50,18	37	6	4,53	850	388	45,65
	<b>Tổng số</b>	<b>12.033</b>	<b>3.282</b>	<b>27,27</b>	<b>400</b>	<b>80</b>	<b>3,0</b>	<b>12.200</b>	<b>2.962</b>	<b>24,28</b>

**BIỂU HƯỚNG DẪN**  
**THỰC HIỆN CHỈ TIÊU GIẢM TỶ LỆ HỘ CẬN NGHÈO NĂM 2019**

(Kèm theo Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2019  
 của UBND huyện Tam Đường)

Tên xã, thị trấn	Thời điểm 01/01/2019			Kế hoạch thực hiện trong năm 2019			Thời điểm 31/12/2019		
	Tổng số hộ dân cư	Tổng số hộ cận nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo	Số hộ dự kiến thoát cận nghèo	Số hộ phát sinh mới	Tỷ lệ giảm hộ cận nghèo	Ước tổng số hộ dân cư	Số hộ cận nghèo	Tỷ lệ hộ cận nghèo
TT Tam Đường	1.811	36	1,99	6	2	0,23	1.825	32	1,75
Bình Lư	1.208	157	13,00	16	4	1,11	1.220	145	11,89
Hồ Thầu	680	85	12,50	9	2	1,20	690	78	11,30
Thèn Sin	679	114	16,79	15	4	1,75	685	103	15,04
Bản Giang	833	84	10,08	10	3	0,94	842	77	9,14
Bản Bo	1.164	103	8,85	17	5	1,08	1.172	91	7,76
Nùng Nàng	596	64	10,74	10	3	1,33	606	57	9,41
Khun Há	925	130	14,05	16	5	1,39	940	119	12,66
Sùng Phài	424	44	10,38	4	2	0,61	430	42	9,77
Bản Hôn	560	157	28,04	15	5	2,25	570	147	25,79
Sơn Bình	873	38	4,35	9	5	0,53	890	34	3,82
Giang Ma	742	64	8,63	5	2	0,60	760	61	8,03
Nà Tăm	703	82	11,66	10	3	1,25	720	75	10,42
Tả Lèng	835	134	16,05	12	5	1,11	850	127	14,94
<b>Tổng số</b>	<b>12.033</b>	<b>1.292</b>	<b>10,74</b>	<b>154</b>	<b>50</b>	<b>1,00</b>	<b>12.200</b>	<b>1.188</b>	<b>9,74</b>

**BIỂU KẾ HOẠCH VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG**

Biểu số 03

**GIẢI NHIỆM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2019**

(Kèm theo Kế hoạch số: 39 /KH/UBND ngày 16 /01/2019 của UBND huyện Tam Đường)



TT	Nội dung	Đơn vị tính	KH 2019	Ghi chú
I	Tổng nguồn vốn, trong đó:	3	4	5
	- Ngân sách trung ương	Tr. đồng		
	+ Chương trình mục tiêu QGGN, trong đó:	Tr. đồng		
	Vốn đầu tư phát triển	Tr. đồng	11.786	
	Vốn sự nghiệp	Tr. đồng	3.945	
	+ Chính sách khác	Tr. đồng	48.923	
	- Ngân sách địa phương	Tr. đồng		
	- Vốn vay	Tr. đồng	500	
A	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững			
II	Dự án 2: Chương trình 135			
1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã ĐBK, xã biên giới và các thôn, bản ĐBK			
	Ngân sách trung ương, trong đó:	Tr. đồng	12.528	
	- Đầu tư phát triển	Tr. đồng	11.786	
	- Sự nghiệp (duy tu bảo dưỡng)	Tr. đồng	742	
2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững trên địa bàn xã ĐBK, xã biên giới; và các thôn, bản ĐBK			
	Ngân sách trung ương, trong đó:	Tr. đồng	2.981	
	- Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế	Tr. đồng	2.071	
	- Nhân rộng mô hình giảm nghèo	Tr. đồng	910	
	Ngân sách trung ương	Tr. đồng		
III	Dự án 3: Hỗ trợ sản xuất, tăng thu nhập, đa dạng hóa sinh kế, giảm nghèo dựa vào cộng đồng, nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135			
	Ngân sách trung ương, trong đó:	Tr. đồng	222	
	- Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế	Tr. đồng	222	

B	Chính sách hỗ trợ tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản			
1	<b>Chính sách hỗ trợ về y tế</b>			
-	Số người nghèo, người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng KT-XH khó khăn, người ở vùng ĐBKK được cấp thẻ BHYT	Người	39.906	
-	Kinh phí thực hiện:	Tr.đồng		
	+ Ngân sách trung ương	Tr.đồng	29.953	
	+ Ngân sách địa phương	Tr.đồng		
2	<b>Chính sách Hỗ trợ về Giáo dục - Đào tạo</b>			
	Số học sinh được miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập (theo ND 86/2015/ND-CP)	Học sinh	11.901	
	Số trẻ em mẫu giáo được hỗ trợ tiền ăn trưa (theo ND 06/2018/ND-CP)	Học sinh	2.940	
	Số học sinh bán trú được hỗ trợ tiền ăn, tiền ở (theo ND 116/2016/ND-CP)	Học sinh	2.126	
	Kinh phí thực hiện:	Tr.đồng		
	Ngân sách trung ương	Tr.đồng	18.970	
	Ngân sách địa phương	Tr.đồng		
3	<b>Chính sách Hỗ trợ về nhà ở</b>			
	Số hộ nghèo được hỗ trợ vay vốn xây dựng nhà ở	Hộ	20	
	Kinh phí thực hiện: (vốn vay NHCSSH)	Tr.đồng	500	